

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô;**
- **Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;**
2. Bà Phan Thị Mươi;

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 03 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc D (Đ), sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xã P, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Huy T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xã P, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2018; biên bản hòa giải ngày 06/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D trình bày:

- **Về hôn nhân:** Năm 2002, chị D và anh T về chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến năm 2005, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cãi, bất đồng ý kiến trong gia đình. Anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, về nhà kiêu chuyện gia đình và

xúc phạm đến danh dự của chị D rất nhiều lần. Anh T nhiều lần đánh chị D, chính quyền địa phương có lập biên bản về hành vi. Nhiều lần chị D khuyên anh T nhưng anh không thay đổi, vợ chồng hiện không còn sống chung, đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Trong thời gian này, anh T không quan tâm vợ con, hai người không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy hôn nhân không được hạnh phúc nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Lê Huy T.

- **Về con chung:** Có 04 con chung tên: Lê Phan Như Y, sinh ngày 11/04/2005, Lê Phan Như N, sinh ngày 19/8/2008, Lê Phan Bạch K, sinh ngày 02/9/2011 và Lê Phúc L, sinh năm 04/4/2015. Hiện con chung đang sống cùng với chị D và anh T. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con chung Lê Phan Như Y, Lê Phan Bạch K và Lê Phan Như N, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Lê Phúc L, chị D đồng ý giao cho anh Lê Huy T nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2018 anh Lê Huy T là bị đơn trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh T thừa nhận thời gian chung sống với nhau cũng như việc vợ chồng sống chung không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau là đúng. Anh T thừa nhận hai vợ chồng cự cãi nhiều lần có dẫn đến đánh nhau.

Hiện vợ chồng không còn sống chung, anh có nhiều lần tìm gặp chị D để hàn gắn nhưng không thành. Nay anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- **Về con chung:** Có 04 con chung tên: Lê Phan Như Y, sinh ngày 11/04/2005, Lê Phan Như N, sinh ngày 19/8/2008, Lê Phan Bạch K, sinh ngày 02/9/2011 và Lê Phúc L, sinh năm 04/4/2015. Hiện đang sống cùng với chị D và anh T. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung Lê Phan Như N, Lê Phan Bạch K, Lê Phan Như Y cho chị D nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Lê Phúc L. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Giấy khai sinh Lê Phan Như Y, sinh ngày 11/4/2005 do Ủy ban nhân dân xã Phương Trà cấp (Bản sao);

- Giấy khai sinh Lê Phan Như N, sinh ngày 19/8/2008 do Ủy ban nhân dân xã Phương Trà cấp (Bản sao);

- Giấy khai sinh Lê Phan Bạch K, sinh ngày 02/9/2011 do Ủy ban nhân dân xã Phương Trà cấp (Bản sao);

- Giấy khai sinh Lê Phúc L, sinh ngày 04/4/2015 do Ủy ban nhân dân xã Phương Trà cấp (Bản sao);

Y kiến của các đương sự: Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 06/4/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị Phan Thị N D có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Huy T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *“Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”*.

Anh Lê Huy T là người bị kiện có địa chỉ tại xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Anh Lê Huy T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/4/2018. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Trong quyết định xét xử số 97/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2018 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Phạm Phước Tâm và Hội thẩm nhân dân dự khuyết là bà Võ Thị Diệp, ông Dương Tấn Lợi và bà Lê Thị Ngọc Châu. Tuy nhiên, ông Tâm, bà Diệp, ông Lợi và bà Châu đều bận công tác đột xuất nên thay thế Hội thẩm nhân dân là bà Phan Thị Mướt để tham gia Hội đồng xét xử. Các đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất với sự thay đổi này nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T thống nhất trình bày sống chung với nhau vào năm 2002 và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của chị D và anh T đều được hai bên thừa nhận là tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định *“...Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*. Vì vậy, không công nhận chị Phan Thị Ngọc D và anh Lê Huy T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị D và anh T thừa nhận có 04 con chung tên Lê Phan Như Y, sinh ngày 11/4/2005, Lê Phan Như N, sinh ngày 19/8/2008, Lê Phan Bạch K, sinh ngày 02/9/2011 và Lê Phúc L, sinh ngày 04/4/2015. Căn cứ vào bản tự khai

cháu Như Y, Như N, Bạch K có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị D. Đồng thời, chị D và anh T thỏa thuận như sau:

Chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Phan Như Y, sinh ngày 11/04/2005, Lê Phan Như N, sinh ngày 19/8/2008 và Lê Phan Bạch K, sinh ngày 02/9/2011. Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Phúc L, sinh ngày 04/4/2015. Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị D và anh T không có yêu cầu.

Chị Phan Thị Ngọc D và anh Lê Huy T có quyền và nghĩa thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị D và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị D và anh T trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án chị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo Biên lai số 04265 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Ngọc D và anh Lê Huy T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị D và anh T như sau:

Chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Phan Như Y, sinh ngày 11/04/2005, Lê Phan Như N, sinh ngày 19/8/2008 và Lê Phan Bạch K, sinh ngày 02/9/2011.

Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Phúc L, sinh ngày 04/4/2015.

Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị D và anh T không có yêu cầu.

Chị Phan Thị N D và anh Lê Huy T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị D và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị D và anh T thống nhất không có.

Về án phí: Chị Phan Thị N D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 04265 ngày 06/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã P;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Đô